

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
LỘC HÓA DẦU VIỆT NAM
VIET NAM NATIONAL
INDUSTRY – ENERGY GROUP
PETROVIETNAM REFINING AND
PETROCHEMICAL CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 5422 /BSR-VPHĐQT
V/v công bố Nghị quyết phê duyệt Kế hoạch
hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm 2026 -
2030 của BSR

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 8 năm 2026
Quang Ngai, August 3rd, 2026

*Re: Disclosure of the Resolution approving
BSR's Five-year production and business
plan for the 2026-2030 period*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
To: *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam
Name of company: Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation
 - Mã chứng khoán: BSR
Stock symbol: BSR
 - Địa chỉ: số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi
Address of head office: 208 Hung Vuong Avenue, Nghia Lo ward, Quang Ngai province.
 - Điện thoại liên hệ: 0255 3825825 Fax: 0255 3825826
Telephone: (+84) 02553825825 Fax: (+84) 02553825826
 - Email: dhcd@bsr.com.vn
- Nội dung công bố: Ngày 03/08/2026, Hội đồng quản trị BSR thông qua Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm 2026 - 2030 của CTCP - Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam.

On August 3rd, 2026, the Board of Directors of BSR approved a Resolution approving the Five-year production and business plan for the 2026-2030 period of



Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 03/08/2026 tại đường dẫn www.bsr.com.vn, chuyên mục Nhà đầu tư.

This information was published on the company's website on August 3rd, 2026, as in the link www.bsr.com.vn/web/bsr-eng, Investor Relations.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct, and we bear the full responsibility under the law.

Nơi nhận/To:

- Như trên (Công bố điện tử);
As above (E-Disclosure)
- HĐQT;
BOD;
- BKS;
Supervisory Board;
- TGD (để b/c);
President & CEO (to report);
- Ban: KTĐT, PCRR, KTNB;
Divisions: EI, LRM, IA;
- Lưu: VT, VP HĐQT.
Save: DC, OBOD.

Tài liệu kèm theo/Attached:

- Nghị quyết số 3968/NQ-BSR ngày 03/08/2026.
Resolution No. 3968/NQ-BSR dated 03/08/2026.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
AUTHORIZED TO DISCLOSE
INFORMATION
VICE PRESIDENT**



Lê Mạnh Hùng



Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm 2026 - 2030
của CTCP - Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam (BSR)**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY LỘC HÓA DẦU VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 5438/NQ-CNNL ngày 30/6/2026 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc chấp thuận Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm 2026 - 2030 của CTCP - Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam (BSR);

Căn cứ Công văn số 150-CV/ĐU ngày 24/7/2026 của Đảng ủy Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt nam về việc thông qua chủ trương Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm 2026-2030 của BSR;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 3473/TTr-BSR ngày 08/7/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm 2026 - 2030 của CTCP – Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam (BSR),

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) 5 năm 2026-2030 của CTCP - Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam (BSR) với nội dung như các **Phụ lục** đính kèm.

Điều 2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo các Ban chức năng, Chi nhánh, Người đại diện của BSR tại các doanh nghiệp khác và đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện các công việc tiếp theo, theo đúng các nội dung được phê duyệt tại **Điều 1**, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Nhà máy, Người phụ trách quản trị Tổng Công ty, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng/Chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty và Người đại diện của BSR tại các doanh nghiệp khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCH Đảng bộ BSR (để b/c);
- TV HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Ban GĐNM;
- Các Ban, VP, Chi nhánh;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Ngọc Dương



PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM 2026 – 2030 CỦA CTCP - TỔNG CÔNG TY LỘC HÓA DẦU VIỆT NAM (BSR)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 3968/NQ-BSR ngày 03/8/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam)

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Xây dựng, phát triển CTCP - Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam (BSR) gắn liền với chiến lược phát triển của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam; Chiến lược phát triển ngành Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam; Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; Chiến lược phát triển về năng lượng quốc gia và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đảm bảo đồng bộ, hiệu quả và bền vững, năng động và có khả năng cạnh tranh cao cả trong nước và khu vực; góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển đất nước.
2. Tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính bao gồm: Đầu tư chế biến sâu và phát triển chất lượng sản phẩm lọc hoá dầu; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm lọc hoá dầu; kinh doanh thương mại dầu thô và các sản phẩm lọc hoá dầu; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật; từng bước thâm nhập hiệu quả vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh năng lượng xanh/sạch nhằm đảm bảo giữ vững vị trí là nhà cung cấp các sản phẩm lọc hoá dầu hàng đầu của Việt Nam.
3. Nghiên cứu, đầu tư các dự án hóa dầu (bao gồm hóa dầu từ khí), hóa chất, vật liệu mới gắn với Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; chuyển đổi nhiên liệu, sản phẩm theo xu hướng xanh hóa, giảm phát thải CO₂; các dự án tái chế nhiên liệu sinh học, nhiên liệu mới.
4. Sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái. Chủ động thực hiện các giải pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thúc đẩy nghiên cứu, đầu tư và phát triển các nguồn năng lượng xanh/sạch và thân thiện với môi trường.
5. Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động của BSR. Phát huy tối đa nội lực, năng lực quản trị hiện đại, kết hợp với đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế, khuyến khích và thu hút các đối tác thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào các lĩnh vực hoạt động của BSR.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển CTCP - Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam đứng trong nhóm 8 các doanh nghiệp sở hữu nhà máy lọc hoá dầu có doanh thu cao nhất tại khu vực vào năm 2030; hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh cao trong nước và quốc tế, lấy



khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực đột phá. BSR giữ vai trò tiên phong, nòng cốt trong việc hình thành và phát triển Trung tâm lọc hoá dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất, đồng thời cung cấp sản phẩm đa lĩnh vực bao gồm lọc dầu, hoá dầu, hoá chất, năng lượng xanh, vật liệu xanh. Đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam; sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững và thân thiện với môi trường của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng, khu vực Miền Trung và cả nước nói chung; có trách nhiệm cao với cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đảm bảo sản lượng sản xuất giai đoạn 2026 - 2030 đạt tối thiểu 37,96 triệu tấn; tăng trưởng sản lượng sản xuất tối thiểu là 7,0% so với sản lượng thực hiện giai đoạn 2021 - 2025; hoàn thành Dự án nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất (Dự án điều chỉnh) để chế biến và nâng cấp chất lượng sản phẩm xăng dầu; nghiên cứu, đầu tư các dự án hóa dầu/hóa chất tại Trung tâm Lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Dung Quất nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của BSR cả trong nước và khu vực.
- Phấn đấu tổng doanh thu hợp nhất giai đoạn 2026 - 2030 đạt 943,2 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng bình quân hàng năm là 10%/năm.
- Phấn đấu lợi nhuận trước thuế hợp nhất giai đoạn 2026 - 2030 đạt 19,8 nghìn tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân đạt 4 - 6%/năm.

III. ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI

- Duy trì nhà máy vận hành an toàn, ổn định ở công suất cao, độ sẵn sàng vận hành (OA) đến năm 2030 $\geq 95\%$. Tối ưu hóa, tiết kiệm năng lượng với mục tiêu chỉ số tiêu thụ năng lượng (EII) đến năm 2030 tiệm cận 100 (theo Solomon).
- Đa dạng hóa nguyên liệu (dầu thô và các cấu tử trung gian) để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô/ cấu tử trung gian cho Nhà máy; nâng cao sản lượng và hiệu quả SXKD.
- Nghiên cứu, đầu tư (bao gồm cả hợp tác đầu tư) các dự án phát triển hóa dầu, hóa chất, năng lượng và vật liệu xanh tại Trung tâm Lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại tỉnh Quảng Ngãi và tại các địa điểm phù hợp khác (nếu khả thi).
- Song song với hoạt động kinh doanh các sản phẩm do BSR sản xuất ở thị trường trong nước, BSR đẩy mạnh mở rộng thị trường quốc tế, chủ động đưa sản phẩm tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, đồng thời phát triển kinh doanh các sản phẩm thương mại có lợi thế cạnh tranh, qua đó nâng cao tỷ trọng doanh thu xuất khẩu và đảm bảo hoàn thành kế hoạch tăng trưởng được phê duyệt.
- Chủ động tìm kiếm thị trường dịch vụ nâng cao doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, bao gồm nhưng không giới hạn các dịch vụ về vận hành, bảo



dưỡng, kiểm tra thiết bị, phòng thí nghiệm, đào tạo,...

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp quản lý và quản trị doanh nghiệp

- Định kỳ tổ chức rà soát và cập nhật Kế hoạch 5 năm 2026 – 2030 phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và chuyển dịch năng lượng nhằm đảm bảo Kế hoạch khả thi và phù hợp với thực tế.
- Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy chế Quản trị của BSR; kiên quyết chấn chỉnh, nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân; thực hiện phân cấp, phân quyền để quá trình ra quyết định nhanh hơn; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Bộ máy điều hành.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động, trách nhiệm và vai trò của các nhân sự quản lý cấp trung trở lên thông qua việc xây dựng, hoàn thiện tiêu chí đánh giá, bổ nhiệm, luân chuyển, miễn nhiệm và các chế độ chính sách đãi ngộ...
- Dự báo, phân tích và đánh giá các yếu tố tác động đến hoạt động SXKD của BSR để tận dụng các cơ hội và quản trị sự biến động kịp thời và hiệu quả. Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, thường xuyên/định kỳ tổ chức nhận diện, phân tích/phân loại rủi ro tiềm ẩn và xây dựng các bộ giải pháp tương ứng để kiểm soát hiệu quả rủi ro đã được nhận diện. Chủ động, tích cực nghiên cứu và triển khai ứng dụng công nghệ kỹ thuật số vào công tác quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh cũng như quản trị rủi ro của BSR.
- Thường xuyên tối ưu hoá chi phí SXKD/chi phí chế biến, đặc biệt chi phí mua sắm hàng hoá và thuê dịch vụ; tiết kiệm/tiết giảm chi phí có thể tối ưu góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.
- Tham gia các chuỗi liên kết của Petrovietnam từ khâu khai thác - Vận tải - Lọc hóa dầu, Dịch vụ kỹ thuật; Lọc dầu - Phân phối sản phẩm dầu khí; ... để tối ưu hoá chi phí sản xuất kinh doanh/đầu tư cũng như khai thác hiệu quả cơ sở vật chất/hạ tầng/tài sản sẵn có góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.

2. Giải pháp thương mại, thị trường

- Mở rộng kinh doanh dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu, hóa chất tại thị trường quốc tế như thị trường Lào, Campuchia... Trong đó, tập trung phát triển kinh doanh dầu thô, kinh doanh DO/xăng...
- Mở rộng cung cấp dịch vụ, bao gồm vận hành và bảo dưỡng, quản lý bảo dưỡng tổng thể, quản lý dự án, quản lý an toàn, QA/QC và Đào tạo.
- Thường xuyên cập nhật, phân tích, đánh giá và dự báo thị trường, đặc biệt tập trung bám sát diễn biến thị trường cung, cầu, giá dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu làm cơ sở định hướng xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động SXKD trong ngắn và trung hạn; xây dựng các kịch bản và các giải pháp ứng phó/tận dụng cơ hội ứng với mỗi kịch bản phù hợp với từng thời điểm cụ thể nhằm tối đa hoá hiệu quả SXKD và giảm thiểu rủi ro/bị động cho BSR.
- Xây dựng chiến lược bảo đảm nguồn dầu thô và các nguyên liệu trung gian



trong ngắn, trung và dài hạn phù hợp với công suất, cấu hình công nghệ của Nhà máy/phân xưởng trong từng giai đoạn. Chủ động tìm kiếm các đối tác chiến lược cung cấp dầu thô ổn định, hiệu quả trong dài hạn nhằm góp phần đảm bảo sự phát triển BSR bền vững trong tương lai.

- Không ngừng đa dạng hóa kênh phân phối, mở rộng danh sách các đơn vị bao tiêu chiến lược và dài hạn; xây dựng chính sách bán hàng chủ động, linh hoạt và hiệu quả.
- Đẩy mạnh triển khai công tác chuỗi liên kết giá trị, liên kết các nguồn lực để tăng khả năng ứng phó với tác động tiêu cực từ bên ngoài, biến thách thức thành cơ hội, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm, hiệu quả SXKD của BSR.
- Tìm kiếm các cơ hội hội nhập, mở rộng hợp tác, liên doanh liên kết với các đối tác nước ngoài để mở rộng thị trường ra nước ngoài, tăng khả năng cạnh tranh và hiệu quả hoạt động SXKD của BSR.

3. Giải pháp về đầu tư và mua bán - sáp nhập (M&A)

- Xây dựng và quản trị Danh mục đầu tư để tối ưu hóa nguồn lực và kiểm soát hiệu quả đầu tư.
- Tập trung nguồn lực đẩy mạnh triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh) đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.
- Thực hiện đánh giá, rà soát các dự án đầu tư, xác định nhóm các dự án trọng điểm, tập trung các nguồn lực đầu tư vào các dự án theo nguyên tắc: (i) dự án trọng điểm, cấp bách, hiệu quả cao; (ii) đẩy nhanh hoàn thành các dự án đầu tư dở dang và đã có kế hoạch vốn để nhanh chóng đưa vào khai thác sử dụng, vận hành thương mại; (iii) ưu tiên các dự án đầu tư mới có vốn đầu tư thấp, thời gian đầu tư ngắn, thu hồi vốn nhanh; (iv) quyết liệt xem xét dừng các dự án không có hiệu quả kinh tế và tồn đọng kéo dài.
- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, đa dạng hóa các hình thức đầu tư, tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác có kinh nghiệm, có thế mạnh về kỹ thuật, công nghệ, có tiềm lực tài chính, quản trị doanh nghiệp tốt... để cùng tham gia đầu tư (đặc biệt là dự án Tổ hợp lọc hóa dầu Long Sơn và Trung tâm Lọc hóa dầu và Năng lượng Quốc gia tại Dung Quất), kết hợp giữa những lợi thế về kinh nghiệm vận hành và nguồn lực chất lượng cao của BSR với tiềm lực về vốn và thế mạnh khoa học công nghệ của đối tác để mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh, chia sẻ rủi ro trong đầu tư.
- Chủ động tìm kiếm các cơ hội mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp trong nước nếu hiệu quả, như: M&A PVOIL Phú Mỹ, M&A Công ty TNHH MTV Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro), M&A các kho xăng dầu, M&A các kho chứa sản phẩm PP... nhằm hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng về doanh thu, sản lượng, lợi nhuận, sản phẩm mới.

4. Giải pháp về tài chính



- Đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật số vào công tác quản trị tài chính đảm bảo đồng bộ, nhất quán từ khâu lập kế hoạch tài chính hàng năm, trung và dài hạn đến khâu phân tích tài chính, quản lý dòng tiền, báo cáo quản trị, ... phù hợp với kế hoạch, chiến lược và các giả định/biến động thị trường nhằm hỗ trợ Ban điều hành BSR ra các quyết định kịp thời, chính xác.
- Chủ động xây dựng phương án thu xếp vốn chủ (bao gồm cả lộ trình tăng vốn điều lệ để đảm bảo nguồn vốn chủ cho các dự án) và vốn vay khả thi, hiệu quả cho các dự án đầu tư phù hợp với nguồn lực của BSR cũng như thị trường tài chính/tiền tệ trong giai đoạn triển khai các dự án lớn và quan trọng như Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh), Dự án đầu tư phát triển hoá dầu tại Dung Quất. Đa dạng hoá các nguồn vốn từ các cổ đông, các tổ chức tín dụng xuất khẩu, trái phiếu xanh/công cụ ESG (môi trường - xã hội - quản trị) cũng như vốn vay thương mại trong và ngoài nước,...
- Thường xuyên cập nhật, phân tích đánh giá các yếu tố tác động của kinh tế vĩ mô như tỷ giá, lạm phát, tín dụng và các chính sách chung của thế giới, trong nước về tiền tệ đến dòng tiền cũng như quản trị nguồn vốn của BSR. Đồng thời, xây dựng các kịch bản và giải pháp tương ứng để bảo đảm khả năng thanh khoản và giảm thiểu rủi ro đứt gãy dòng tiền; hạn chế tác động tiêu cực và tận dụng được cơ hội nhằm tối ưu, tái cơ cấu nguồn vốn và giảm tối đa chi phí vốn của BSR.
- Hoàn thiện quyết toán cổ phần hoá BSR.

5. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, lao động, tiền lương

- Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực BSR giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo đồng bộ với chiến lược phát triển của BSR và yêu cầu công tác nguồn nhân lực của Petrovietnam.
- Xây dựng chương trình và tăng cường tổ chức chuẩn hóa, phát triển năng lực các lĩnh vực chuyên môn, quản lý/quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính, năng lượng xanh/sạch, công nghệ số, kinh tế tuần hoàn, xu hướng/thay đổi trong tương lai, ... Nguồn nhân lực thực sự phù hợp với các tiêu chuẩn nguồn lực tiên tiến, khoa học theo chuẩn mực quốc tế cũng như phù hợp với các chức danh khác nhau theo đặc thù của BSR (quản lý cấp cao và cấp trung, chuyên gia, kỹ sư, cán bộ tiềm năng,...). Công tác đào tạo, huấn luyện, phân công nhiệm vụ phải đảm bảo để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của BSR trong bối cảnh chuyển dịch năng lượng và chuyển đổi số ngày càng mạnh mẽ và sâu rộng hiện nay, cũng như đảm bảo đội ngũ kế cận có đủ năng lực và phát huy hiệu quả xuyên suốt, không ngừng thúc đẩy BSR phát triển ngày càng bền vững.
- Xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc khoa học, tiến bộ, trong đó chú trọng áp dụng cơ chế, chính sách đãi ngộ, tiền lương, tiền thưởng phù hợp với đặc thù và quy mô/vai trò của BSR; tạo cơ chế thu hút, khuyến khích, giữ chân nhân tài thông qua chế độ chính sách đãi ngộ và khen thưởng hợp lý, thỏa đáng (đặc biệt đối với các lao động có trình độ chuyên môn cao, có các phát minh, sáng kiến, sáng chế được áp dụng hiệu quả tại



BSR); Xây dựng, hoàn thiện hệ thống lương 3P để áp dụng đồng bộ nhằm tạo sự công bằng, tạo động lực làm việc cho người lao động, thu hút và giữ chân các nhân sự chất lượng cao.

- Tiếp tục rà soát, cập nhật hệ thống tiêu chuẩn năng lực và các chương trình đào tạo theo vị trí chức danh. Tập trung đào tạo theo yêu cầu vị trí chức danh, trong đó chú trọng đào tạo theo yêu cầu pháp luật, đào tạo nội bộ, đào tạo bảo dưỡng tổng thể nhà máy, đào tạo, đào tạo chuyên sâu/chuyên gia, kỹ năng quản lý/lãnh đạo, văn hóa doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh công tác số hóa trong quản trị nguồn nhân lực nhằm đảm bảo thông tin, dữ liệu phục vụ quản trị và phát triển nguồn nhân lực đầy đủ, nhất quán góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng và phát triển nguồn nhân lực.
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự trẻ dự nguồn có chuyên môn, trình độ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành công nghiệp Lọc hóa dầu và mục tiêu trẻ hóa đội ngũ, giảm tỷ lệ già hóa, cân bằng nguồn nhân lực.

6. Giải pháp về khoa học công nghệ, an toàn, môi trường và phát triển bền vững

- Triển khai các Chương trình nghiên cứu khoa học dài hạn nhằm tạo đột phá về công nghệ và sản phẩm mới. Đa dạng hóa sản phẩm có giá trị và tính cạnh tranh cao.
- Đầu tư nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ lọc hoá dầu và năng lượng xanh/sạch đảm bảo đủ năng lực và trình độ để chủ trì triển khai các hoạt động khoa học công nghệ, thực hiện các giải pháp tiên tiến/đột phá về khoa học công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu của các lĩnh vực SXKD của BSR.
- Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ tiên tiến/đột phá để nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng và giảm phát thải CO₂.
- Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác có thế mạnh về công nghệ và kinh nghiệm để triển khai các dự án sản xuất năng lượng xanh/sạch, các sản phẩm mới có giá trị cao và thân thiện với môi trường.
- Nghiên cứu, ứng dụng và triển khai công nghệ mới nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí sản xuất, phát triển sản phẩm mới, mở rộng lĩnh vực hoạt động đầu tư của BSR theo hướng phát triển các sản phẩm hoá dầu và năng lượng xanh/sạch, thân thiện với môi trường.
- Thực hiện các giải pháp/chương trình giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, bao gồm: Triển khai các dự án nhằm cắt giảm khí nhà kính; hình thành/tham gia thị trường Cacbon trong nước và quốc tế; triển khai các chương trình/dự án nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu.

7. Giải pháp về chuyển đổi số

- Xây dựng Chiến lược Chuyển đổi số và lộ trình thực hiện theo các giai đoạn của Chiến lược phát triển BSR, đảm bảo hiệu quả và đồng bộ.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ thông minh như digital twin,



IOT, AI/ML ... để tự động hoá việc phân tích đánh giá, chuẩn đoán các hoạt động vận hành, bảo dưỡng; tự động hóa quy trình làm việc; kiểm soát và giám sát thời gian thực; quản lý tồn kho thông minh; quản lý khách hàng thông minh; chia sẻ dữ liệu lớn... nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, tối ưu hóa tiêu hao năng lượng, hóa phẩm xúc tác, tiết kiệm chi phí.

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong công tác bảo trì, bảo dưỡng tiên đoán để tăng độ tin cậy và tuổi thọ của thiết bị, giảm thời gian dừng máy ngoài kế hoạch.
- Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và các nền tảng phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng và chính xác, từ quản lý chuỗi cung ứng, tối ưu hóa tồn kho đến dự báo thị trường.
- Ứng dụng robot, tích hợp giải pháp tự động hóa trong kiểm tra thiết bị, phân loại xuất hàng phụ tùng, vật tư, quản lý kho.

8. Giải pháp về vận hành bảo dưỡng

- Thường xuyên đảm bảo vận hành Nhà máy an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả ở công suất tối ưu; tiến tới vận hành nhà máy theo dự báo thị trường bằng ứng dụng công nghệ số (tích hợp thông tin thị trường vào công cụ lập kế hoạch và điều độ tự động) để tối ưu hoá nhà máy theo thời gian thực và đảm bảo tất cả các quyết định vận hành dựa trên hiệu quả kinh tế tối ưu.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức bảo dưỡng thường xuyên (tăng tỷ lệ bảo dưỡng ngăn ngừa, dự đoán và giảm tỷ lệ bảo dưỡng sửa chữa) cũng như bảo dưỡng tổng thể để tăng độ tin cậy và tuổi thọ thiết bị; tối ưu chu kỳ bảo dưỡng tổng thể và rút ngắn thời gian dừng bảo dưỡng và tối ưu hoá chi phí thực hiện bảo dưỡng tổng thể.
- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và quản lý an toàn công nghệ nhằm khai thác hiệu quả công suất các phân xưởng trong giới hạn vận hành an toàn cho phép.
- Thường xuyên nghiên cứu và chạy thử để mở rộng giới hạn vận hành an toàn của các thiết bị/hệ thống/phân xưởng nhằm gia tăng sản lượng, mở rộng giờ dầu, ... góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.
- Tiếp tục tối ưu hoá: giờ dầu thô/hỗn hợp nguyên liệu chế biến (bao gồm dầu thô và các nguyên liệu trung gian); cơ cấu và chủng loại sản phẩm (đặc biệt là các chủng loại sản phẩm PP giá trị cao, tăng tỷ lệ xăng Mogas 95 và nhiên liệu phục vụ quốc phòng, dung môi pha sơn,...); năng lượng, phụ trợ; tiêu hao nhiên liệu, mất mát và hao hụt; xúc tác hoá phẩm; vật tư tiêu hao và tồn kho vật tư; tồn kho dầu thô và sản phẩm; chi phí thuê tư vấn vận hành và bảo dưỡng (O&M) và chi phí thuê ngoài,...

9. Giải pháp về cơ cấu lại BSR

- Triển khai thực hiện Đề án cơ cấu đảm bảo đúng tiến độ đã được phê duyệt và triển khai thực hiện Phương án cơ cấu lại của BSR.
- Xây dựng và đề xuất thành lập mới các công ty con/chỉ nhánh/văn phòng thuộc CTCP - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam phù hợp với nhu cầu thực tế của



Tổng Công ty, bao gồm:

- + Cung ứng Dịch vụ kỹ thuật cao (cung cấp các dịch vụ về vận hành, bảo dưỡng, quản lý dự án,...).
- + Phát triển Kinh doanh và phát triển thị trường.
- + Tổ hợp Lọc hóa dầu Long Sơn và Trung tâm Lọc hóa dầu và Năng lượng Quốc gia tại Dung Quất.
- Cơ cấu lại phần vốn góp của BSR tại các công ty con/công ty liên kết, gồm:
 - + Tái cơ cấu BSR-BF theo chỉ đạo cấp thẩm quyền.
 - + Thoái toàn bộ vốn góp của BSR tại PVOS/hoặc triển khai tiếp Dự án khi có chủ trương, điều kiện phù hợp.
 - + Tăng tỷ lệ vốn góp của BSR tại PMS để cung cấp dịch vụ bảo dưỡng cho khâu sau (BSR báo cáo cấp thẩm quyền để phê duyệt riêng), hoặc thoái toàn bộ vốn góp của BSR tại PMS phù hợp với chủ trương và điều kiện cụ thể.
- Bổ sung, thành lập các bộ phận để tổ chức triển khai các chức năng quản trị một số nhiệm vụ mới:
 - + Đầu mối xây dựng, quản lý/theo dõi và giám sát việc thực thi Chiến lược phát triển BSR.
 - + Đầu mối xây dựng, quản lý/theo dõi và giám sát các chương trình/chính sách liên quan đến môi trường, cộng đồng và quản trị (ESG: Environment-Social – Governance).
 - + Công tác quản trị hệ thống rủi ro.
 - + Nâng cao năng suất lao động và phát triển nguồn nhân lực.

10. Giải pháp về văn hóa doanh nghiệp

- Triển khai sâu rộng và hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam, đưa văn hóa thực sự trở thành nguồn lực nội sinh, sức mạnh mềm và là hệ điều tiết cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đồng thời, bám sát và thực thi nghiêm túc Chiến lược phát triển của Petrovietnam về việc nâng tầm văn hóa, quản trị thương hiệu giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo văn hóa BSR phát triển đồng bộ, tiên phong và mang đậm bản sắc Dầu khí.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tiên tiến, khoa học, không ngừng nâng tầm văn hóa theo sự phát triển của Tổng Công ty. BSR tiếp tục duy trì và kiến tạo Hệ sinh thái văn hóa mạnh mẽ, hoàn chỉnh và hiện đại hơn, trong đó tập trung sâu vào 3 trụ cột cốt lõi: Văn hóa thực thi, Môi trường làm việc xanh, Văn hóa Chuyển đổi số.
- Tiếp tục tổ chức thực thi hiệu quả, truyền cảm hứng và đẩy mạnh việc đưa các giá trị cốt lõi của văn hoá BSR vào sâu trong suy nghĩ và hành động của Người lao động trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Thiết lập môi trường làm



việc ổn định, chuyên nghiệp, lành mạnh, đoàn kết để người lao động tin tưởng, yên tâm, tự hào và gắn bó với BSR. Đảm bảo các điều kiện tốt nhất để người lao động thực hành văn hóa; đồng thời đẩy mạnh công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tuyên dương và khen thưởng kịp thời việc thực hiện văn hóa BSR.

- Không ngừng nâng cao vai trò nêu gương của lãnh đạo các cấp; lãnh đạo phải “nói đi đôi với làm”, trở thành hình mẫu và là tác nhân thay đổi. Lãnh đạo có trách nhiệm chia sẻ, lan tỏa các giá trị văn hóa cho đội ngũ của mình thông qua phương pháp “học tốt, làm tốt, hướng dẫn tốt”. Hướng tới xây dựng BSR trở thành một “tổ chức học tập”, nơi mỗi cá nhân được khuyến khích phát triển bản thân, để văn hóa thực sự là nền tảng vững chắc, là động lực cốt lõi cho sự vươn tầm và phát triển bền vững của BSR.



PHỤ LỤC 2

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM 2026 – 2030 CỦA CTCP- TỔNG CÔNG TY LỘC HÓA DẦU VIỆT NAM (BSR)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 3968/NQ-BSR ngày .03/.8../2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 5 năm 2026 - 2030		Tăng trưởng bình quân 5 năm 2026-2030 (%)	Ghi chú
			Tổng giai đoạn 2026-2030	Năm 2030		
I	Sản lượng sản xuất/pha chế	Nghìn tấn	37.955 - 38.440	7.893		
1	LPG	Nghìn tấn	2.080 - 2.100	432		
2	Xăng dầu các loại (xăng E5 RON 92, E10 RON 95, RON 95..., dầu DO, FO....)	Nghìn tấn	35.050 - 35.500	7.289		
3	Polypropylene	Nghìn tấn	800 - 810	167		
4	Lưu huỳnh	Nghìn tấn	20 - 30	5		
II	Sản lượng kinh doanh	Nghìn tấn	37.690- 38.140	7.838		
1	LPG	Nghìn tấn	2.080 - 2.100	432		
2	Xăng dầu các loại (xăng E5 RON 92, E10 RON 95, RON 95..., dầu DO, FO....)	Nghìn tấn	34.785 - 35.200	7.234		
3	Polypropylene	Nghìn tấn	800 - 810	167		
4	Lưu huỳnh	Nghìn tấn	25- 30	5		
III	Tài chính hợp nhất					
1	Tổng Tài sản	Nghìn tỷ đồng	111,7 - 117,7	117,7	8%	
2	Vốn Chủ sở hữu	Nghìn tỷ đồng	65,9 - 71,9	71,9	4%	
3	Tổng doanh thu	Nghìn tỷ đồng	850,5 - 943,2	226,2	10%	
3.1	Doanh thu sản phẩm truyền thống	Nghìn tỷ đồng	446,7 - 447,1	95,6		
3.2	Doanh thu sản phẩm mới	Nghìn tỷ đồng	293,6 - 294,6	61,5		Tỷ trọng 27% tổng doanh thu năm 2030
3.3	Doanh thu kinh doanh quốc tế và M&A	Nghìn tỷ đồng	102,7 - 193,4	66,2		Tỷ trọng 29% tổng doanh thu năm 2030
3.4	Doanh thu KHCN&ĐMST	Nghìn tỷ đồng	2,0 - 2,5	2,0		Tỷ trọng 1% tổng doanh thu năm 2030
3.5	Doanh thu tài chính, khác	Nghìn tỷ đồng	5,5 - 5,6	0,9		
4	Lợi nhuận trước thuế	Nghìn tỷ đồng	14,3 - 19,8	4,2		
5	Lợi nhuận sau thuế	Nghìn tỷ đồng	12,9 - 17,8	3,8		
6	Nộp Ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	82,6 - 91,6	22,0	10%	
7	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	%/năm	2 - 3%	3%		
8	Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	%/năm	4 - 5%	5%		
IV	Tài chính Công ty mẹ - BSR					
1	Tổng tài sản	Nghìn tỷ đồng	111,6 - 116,6	116,6		
2	Vốn chủ sở hữu	Nghìn tỷ đồng	65,9 - 70,9	70,9		
-	Vốn điều lệ	Nghìn tỷ đồng	50,1 - 50,1	50,1		
-	Tỷ lệ tham gia của PVN	%	90,0 - 90,0	90,0		
3	Tổng doanh thu	Nghìn tỷ đồng	849,5 - 942,2	226,0	10%	
4	Lợi nhuận trước thuế	Nghìn tỷ đồng	14,3 - 19,8	4,2		
5	Lợi nhuận sau thuế	Nghìn tỷ đồng	12,8 - 17,8	3,8		
6	Nộp Ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	82,5 - 91,5	22,0	10%	
7	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	%/năm	2 - 3%	3%		
8	Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	%/năm	4 - 5%	5%		
9	Tỷ lệ chia cổ tức	%/năm	Tỷ lệ chia cổ tức hàng năm sẽ được Petrovietnam chấp thuận cụ thể theo kế hoạch từng năm.			
V	Kế hoạch đầu tư Công ty mẹ - BSR					
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Nghìn tỷ đồng	56,3	5,3	17%	
-	Đầu tư XDDB và MSTTB	Nghìn tỷ đồng	56,3	5,3	17%	
-	Đầu tư tài chính	Nghìn tỷ đồng	-	-		
2	Giá trị giải ngân	Nghìn tỷ đồng	56,3	5,3	17%	
-	Vốn Chủ sở hữu	Nghìn tỷ đồng	35,1	3,5		
-	Vốn vay+khác	Nghìn tỷ đồng	21,1	1,8		
VI	Các chỉ tiêu khác Công ty mẹ - BSR					
1	Lao động cuối kỳ	Người	1.943	1.943	4%	
2	Lao động bình quân trong kỳ	Người	1.737	1.908	4%	
3	Năng suất lao động (theo doanh thu)	Tỷ đồng/ người/ tháng	8.151 - 9.041	9.871	6%	
4	Tiền lương bình quân người lao động	Tr đ/người/tháng	43,5	43,5		
5	Thực hiện đào tạo	Lượt người	54.000	10.000	2%	
6	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	56	12	2%	